

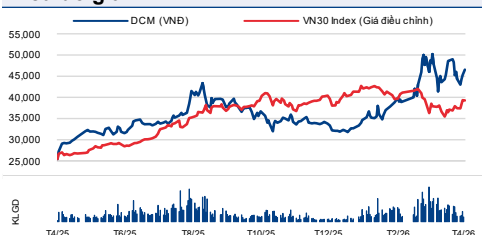
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ53,600
Tiềm năng tăng/giảm: 15.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (10/4/2026)	46,550
Mã Bloomberg	DCM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	27,202-50,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	44,820
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	24,644
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	936
Slg CP lưu hành (tr.đv)	529
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	259
Slg CP NN được mua (tr.đv)	233
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	4.97%
Tỷ lệ freefloat	24.4%
Cổ đông lớn	PVN (75.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	16,961	23,003	23,766
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,190	3,078	2,803
LNTT (tỷ đồng)	2,157	3,071	2,800
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,915	2,732	2,491
FCF (tỷ đồng)	(1,638)	2,959	1,175
EPS ĐC (đồng)	3,618	5,161	4,705
DPS (đồng)	1,500	1,500	1,500
BVPS (đồng)	20,228	23,373	26,107
T.trưởng EBITDA (%)	70.2	40.5	(8.93)
T.trưởng EPS ĐC (%)	56.7	42.7	(8.84)
Tăng trưởng DPS (%)	(25.0)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	12.9	13.4	11.8
Tỷ suất LNTT (%)	12.7	13.4	11.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	11.3	11.9	10.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	41.5	29.1	31.9
Nợ thuần/VCSH (%)	(5.70)	(25.0)	(22.9)
ROAE (%)	18.4	23.7	19.0
ROACE (%)	16.3	21.0	16.4
EV/doanh thu (lần)	1.14	0.72	0.67
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.80	5.41	5.70
P/E ĐC (lần)	12.9	9.02	9.89
P/B (lần)	2.30	1.99	1.78
Lợi suất cổ tức (%)	3.22	3.22	3.22

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DCM là công ty sản xuất phân đạm urea hạt đục duy nhất tại Việt Nam. DCM hiện đang chiếm 30% thị phần trên thị trường urea nội địa.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim
Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ
Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Những thông tin tích cực từ buổi gặp gỡ các chuyên viên phân tích

- DCM công bố LNTT sơ bộ Q1/2026 đạt 837 tỷ đồng, tăng 184% so với cùng kỳ và cao hơn đáng kể so với dự báo của HSC, nhờ giá urê tăng và tỷ suất lợi nhuận mảng phân bón nhập khẩu cải thiện, được hỗ trợ bởi tồn kho giá thấp. Chi phí khí đầu vào vẫn được kiểm soát tương đối (tăng 10-12%) bất chấp biến động toàn cầu.
- DCM đặt mục tiêu doanh thu đạt 30 nghìn tỷ đồng vào năm 2035, nhờ mở rộng sang các lĩnh vực phân bón, hóa chất phục vụ ngành thực phẩm và chuỗi giá trị nông nghiệp rộng hơn, với khoảng 30% đóng góp từ mảng công nghệ sinh học và chế biến sau thu hoạch.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 12% kể từ báo cáo cập nhật gần nhất, DCM đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới là 9,2 lần, thấp hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2022. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích vào ngày 10/4

Các nội dung chính từ buổi trao đổi được trình bày dưới đây.

Kế hoạch HĐKD năm 2026 ở mức thận trọng, dựa trên các giả định chưa cập nhật

DCM đặt kế hoạch doanh thu năm 2026 đạt 17.615 tỷ đồng (đi ngang) và LNTT đạt 1.319 tỷ đồng (giảm 38,9%), dựa trên các giả định bình quân năm gồm giá dầu 70 USD/thùng (tăng 2%), giá khí 8,77 USD/mmbtu (tăng 3%) và giá bán bình quân urê 372 USD/tấn (giảm 10%). Hai điểm lưu ý:

- Các giả định này có phần lỗi thời trong bối cảnh biến động gia tăng do căng thẳng địa chính trị tại khu vực Vùng Vịnh.
- Tuy vậy, HSC cho rằng kế hoạch sản lượng tiêu thụ vẫn là cơ sở tham khảo phù hợp, với urê đạt 891 nghìn tấn (tăng trưởng 1%), NPK đạt 350 nghìn tấn (tăng trưởng 7%) và phân bón nhập khẩu đạt 395 nghìn tấn (tăng trưởng 27%).

KQKD sơ bộ Q1/2026: LNTT tăng 184% so với cùng kỳ nhờ tồn kho giá thấp

DCM ghi nhận doanh thu sơ bộ Q1/2026 đạt 5.370 tỷ đồng (tăng 153% so với cùng kỳ, bằng 23% dự báo năm 2026 của HSC và 30% kế hoạch HĐKD cả năm của Công ty), nhờ doanh thu phân bón nhập khẩu tăng mạnh (tăng 2,5 lần so với cùng kỳ). Cơ cấu doanh thu gồm urê chiếm 61%, phân bón nhập khẩu 25% và NPK 7%.

LNTT Q1/2026 đạt 837 tỷ đồng (tăng 184% so với cùng kỳ, bằng 27% dự báo năm 2026 của chúng tôi và 63% kế hoạch năm của Công ty), được hỗ trợ nhờ tỷ suất lợi nhuận mảng phân bón nhập khẩu cải thiện, hỗ trợ từ lượng tồn kho giá thấp chuyển sang từ Q4/2025 Phân bón nhập khẩu đóng góp khoảng 25% doanh thu và 22% lợi nhuận gộp (so với 12% và 4% trong Q1/2025). Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận mảng urê cũng cải thiện với giá bán bình quân (ước tính ở mức 10.900đ/kg, tăng 10% so với cùng kỳ) tăng nhanh hơn so với giá khí đầu vào (10 USD/mmbtu, tăng 7,3% so với cùng kỳ).

Lợi thế tồn kho hỗ trợ doanh thu năm 2026

DCM thường ký hợp đồng nhập khẩu trong Q3 & Q4 nhằm phục vụ hoạt động bán hàng cho năm kế tiếp. Trong năm 2025, Công ty nhập khẩu hơn 500 nghìn tấn và bán ra khoảng 350 nghìn tấn, qua đó tạo ra lượng tồn kho chuyển sang đáng kể. Do đó, giá trị hàng tồn kho cuối năm 2025 đạt khoảng 4,8 nghìn tỷ

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 13/4.

(Xem tiếp trang 2)

đồng, tạo điều kiện để DCM hưởng lợi từ tình trạng gián đoạn nguồn cung phân bón trong bối cảnh căng thẳng tại khu vực Vùng Vịnh. Nền tảng tồn kho này hỗ trợ việc triển khai kế hoạch tiêu thụ trong năm 2026.

Công ty hiện vận hành khoảng 20 kho logistics và kho trung chuyển với tổng công suất lưu kho vượt 300.000 tấn. Trong đó, Nhà máy Đạm Cà Mau đang mở rộng sức chứa tại chỗ lên gần 200.000 tấn, qua đó cải thiện đáng kể tính linh hoạt trong quản lý tồn kho theo mùa vụ và khả năng đáp ứng nguồn cung.

Nhằm tiếp tục củng cố vị thế cạnh tranh dài hạn, Đạm Cà Mau đang triển khai phát triển hạ tầng cảng-kho tích hợp, hướng tới xây dựng trung tâm lưu trữ và nhập khẩu nguyên liệu mang tính chiến lược. Sáng kiến này được kỳ vọng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ chiến lược kinh doanh và sản xuất phân bón dài hạn của Công ty, đồng thời nâng cao hiệu quả logistics và đảm bảo an ninh nguồn cung.

Nguồn cung khí được đảm bảo trong khi giá chỉ tăng khoảng 12% trong bối cảnh căng thẳng tại khu vực Vùng Vịnh

Nguồn cung khí được lấy từ lô PM3-CAA (vùng chồng lấn Việt Nam-Malaysia), với tỷ lệ phân chia 50:50 giữa Petrovietnam và Petronas của Malaysia theo hợp đồng được gia hạn đến năm 2045. Từ năm 2019, DCM đã bổ sung nguồn cung trong nước bằng khí nhập khẩu từ Petronas, với cơ cấu 50:50 dự kiến trong năm 2026. Giá khí trong nước được xác định theo giá dầu HSFO (MFO) tại Singapore, trong khi khí nhập khẩu có cơ chế giá cao hơn khoảng 12,7% Brent. Trong năm 2026, cơ cấu nguồn cung dự kiến ở mức 50:50 giữa khí trong nước và khí nhập khẩu.

Công thức xác định giá khí: $50\% \times 46\% \text{ giá MFO} + 50\% \times 12,7\% \text{ giá dầu Brent} + \text{phí vận chuyển (cố định ở mức 1,09 USD/mmbtu)}$.

Theo đó, trong bối cảnh giá dầu và khí tự nhiên tăng mạnh do căng thẳng địa chính trị tại khu vực Vùng Vịnh, chi phí khí của DCM chỉ tăng khoảng 10-12%, qua đó duy trì lợi thế chi phí tương đối.

DCM nắm giữ 40% thị phần urê và 11% thị trường phân bón Việt Nam trong năm 2025

DCM đã xây dựng mạng lưới phân phối trên toàn quốc phủ khắp 63 tỉnh thành và được tổ chức thành 5 khu vực chính. Đồng bằng sông Cửu Long vẫn là thị trường trọng điểm, đóng góp 60-66% doanh thu, tiếp theo là khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nguyên (khoảng 30%), miền Trung (khoảng 18%) và miền Bắc (khoảng 10%). Tại Campuchia, Công ty nắm giữ hơn 40% thị phần urê.

Hệ thống phân phối bao gồm 75 nhà phân phối cấp 1, hơn 20 khách hàng thương mại và khoảng 15.000 đại lý cấp 2. DCM vận hành khoảng 20 kho với tổng công suất vượt 300.000 tấn, trong đó riêng Nhà máy Đạm Cà Mau đang mở rộng sức chứa lên gần 200.000 tấn, qua đó giúp nâng cao tính linh hoạt trong quản lý tồn kho theo mùa vụ.

Tổng nhu cầu phân bón của Việt Nam đạt khoảng 10,7 triệu tấn trong năm 2025, trong đó DCM chiếm khoảng 11,3% thị phần. Urê vẫn là sản phẩm chủ lực đóng góp hơn 70% tổng sản lượng. Về thương hiệu, các khảo sát độc lập liên tục xếp Đạm Cà Mau trong nhóm thương hiệu hàng đầu trên thị trường nội địa.

Mảng công nghệ sinh học và chế biến sau thu hoạch dự kiến đóng góp khoảng 30% doanh thu vào năm 2030

DCM đặt mục tiêu tăng gấp đôi doanh thu so với mức năm 2025, đạt 30-35 nghìn tỷ đồng vào năm 2030, dựa trên ba trụ cột chính:

- Phân bón và hóa chất (ví dụ CO₂, LN₂) phục vụ nông nghiệp và thực phẩm;
- Mở rộng sang chuỗi giá trị nông nghiệp thông qua công nghệ sinh học và chế biến sau thu hoạch (canh tác, lưu kho, chế biến sâu);

- Đầu tư vào hạ tầng, logistics và hệ thống cảng nhằm nâng cao năng lực lưu kho và khả năng cạnh tranh bền vững.

Mục tiêu năm 2030 tương ứng doanh thu đạt 35 nghìn tỷ đồng, trong đó mảng phân bón đóng góp 20,5-25 nghìn tỷ đồng và sản lượng đạt 1,56 triệu tấn (tăng thêm hơn 1 triệu tấn). Mảng công nghệ sinh học và chế biến dự kiến đóng góp khoảng 10 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 30% doanh thu).

Xem xét lại khuyến nghị

Theo dự báo của HSC (không thay đổi), DCM đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới ở mức 9,2 lần, thấp hơn bình quân từ năm 2022 ở mức 10,6 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	13,456	16,961	23,003	23,766	23,766
Lợi nhuận gộp	2,513	4,035	5,626	5,439	5,415
Chi phí BH&QL	(1,495)	(2,189)	(2,968)	(3,067)	(3,067)
Thu nhập khác	1.12	5.58	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	1,019	1,852	2,657	2,372	2,348
Lãi vay thuần	305	305	414	428	428
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	1,324	2,157	3,071	2,800	2,776
Chi phí thuế TNDN	(94.1)	(239)	(322)	(294)	(291)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(8.35)	(2.03)	(16.5)	(15.0)	(14.9)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,222	1,915	2,732	2,491	2,469
Lợi nhuận thuần ĐC	1,222	1,915	2,732	2,491	2,469
EBITDA ĐC	1,287	2,190	3,078	2,803	2,788
EPS (đồng)	2,308	3,618	5,161	4,705	4,664
EPS ĐC (đồng)	2,308	3,618	5,161	4,705	4,664
DPS (đồng)	2,000	1,500	1,500	1,500	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	1,903	3,590	5,476	5,711	5,956
Đầu tư ngắn hạn	7,039	4,082	4,490	4,939	5,433
Phải thu khách hàng	529	1,263	1,204	1,406	1,484
Hàng tồn kho	2,950	4,804	4,902	5,642	5,882
Các tài sản ngắn hạn khác	500	709	830	905	930
Tổng tài sản ngắn hạn	12,921	14,449	16,903	18,603	19,685
TSCĐ hữu hình	2,172	2,416	2,259	2,098	1,932
TSCĐ vô hình	364	426	424	419	414
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	272	354	227	299	298
Tổng tài sản dài hạn	2,808	3,196	2,910	2,815	2,643
Tổng cộng tài sản	15,729	17,645	19,813	21,419	22,328
Nợ ngắn hạn	1,229	2,226	1,926	1,926	1,926
Phải trả người bán	1,612	1,764	2,213	2,145	2,131
Nợ ngắn hạn khác	1,556	1,220	1,391	1,455	871
Tổng nợ ngắn hạn	4,681	5,982	6,122	6,251	5,725
Nợ dài hạn	120	56.8	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	751	866	1,269	1,284	1,275
Tổng nợ dài hạn	871	923	1,269	1,284	1,275
Tổng nợ phải trả	5,552	6,905	7,391	7,535	7,000
Vốn chủ sở hữu	10,144	10,709	12,374	13,821	15,249
Lợi ích cổ đông thiểu số	32.8	31.4	47.9	63.0	77.9
Tổng vốn chủ sở hữu	10,177	10,740	12,422	13,884	15,327
Tổng nợ phải trả và VCSH	15,729	17,645	19,813	21,419	22,328
BVPS (đ)	19,162	20,228	23,373	26,107	28,805
Nợ thuần/(tiền mặt)	(554)	(1,308)	(3,551)	(3,786)	(4,030)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	1,019	1,852	2,657	2,372	2,348
Khấu hao	(268)	(339)	(420)	(431)	(440)
Lãi vay thuần	305	305	414	428	428
Thuế TNDN đã nộp	(94.1)	(239)	(322)	(294)	(291)
Thay đổi vốn lưu động	(912)	(2,424)	706	(945)	(876)
Khác	(509)	(1,043)	(656)	(553)	(559)
LCT thuần từ HKKD	77.5	(1,211)	3,219	1,439	1,489
Đầu tư TS dài hạn	(791)	(427)	(261)	(265)	(269)
Góp vốn & đầu tư	(14,041)	(11,373)	(408)	(449)	(494)
Thanh lý	4.09	0	0	0	0
Khác	14,786	14,820	545	563	563
LCT thuần từ HĐĐT	(41.6)	3,021	(124)	(150)	(199)
Cổ tức trả cho CSH	(1,059)	(1,055)	(794)	(794)	(794)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	437	934	(416)	(260)	(251)
Khác	(2.91)	(1.60)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(625)	(123)	(1,210)	(1,054)	(1,045)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,284	1,903	3,590	5,476	5,711
LCT thuần trong kỳ	(589)	1,687	1,886	235	244
Ảnh hưởng của tỷ giá	208	0.14	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,903	3,590	5,476	5,711	5,956
Dòng tiền tự do	(714)	(1,638)	2,959	1,175	1,220

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	18.7	23.8	24.5	22.9	22.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	9.57	12.9	13.4	11.8	11.7
Tỷ suất LNT (%)	9.08	11.3	11.9	10.5	10.4
Thuế TNDN hiện hành (%)	7.10	11.1	10.5	10.5	10.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	7.04	26.0	35.6	3.32	0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(28.0)	70.2	40.5	(8.93)	(0.54)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	10.2	56.7	42.7	(8.84)	(0.86)
Tăng trưởng EPS (%)	10.2	56.7	42.7	(8.84)	(0.86)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	10.2	56.7	42.7	(8.84)	(0.86)
Tăng trưởng DPS (%)	0	(25.0)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	86.6	41.5	29.1	31.9	32.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	12.2	18.4	23.7	19.0	17.0
ROACE (%)	9.36	16.3	21.0	16.4	14.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.87	1.02	1.23	1.15	1.09
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.08	(0.65)	1.21	0.61	0.63
Số ngày tồn kho	98.4	136	103	112	117
Số ngày phải thu	17.6	35.7	25.3	28.0	29.5
Số ngày phải trả	53.8	49.8	46.5	42.7	42.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(3.17)	(5.70)	(25.0)	(22.9)	(21.9)
Nợ/tài sản (%)	10.1	16.9	12.1	11.9	11.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.23	1.36	0.78	0.91	0.94
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.76	2.42	2.76	2.98	3.44
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.27	1.14	0.72	0.67	0.64
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.3	8.80	5.41	5.70	5.47
P/E (lần)	20.2	12.9	9.02	9.89	9.98
P/E ĐC (lần)	20.2	12.9	9.02	9.89	9.98
P/B (lần)	2.43	2.30	1.99	1.78	1.62
Lợi suất cổ tức (%)	4.30	3.22	3.22	3.22	3.22

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn